**CÔNG TY CP BỆNH VIỆN THIỆN NHÂN ĐÀ NẴNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TT Chẩn Đoán Y Khoa Kỹ Thuật Cao Thiện Nhân**  *Độc lập – Tự do – Hạnh phúc*

**Số: 162/TN-TB/2024 --------\*\*\*\*--------**

*Đà Nẵng ngày 15 tháng 11 năm 2024*

**THÔNG BÁO**

*(V/v: KSK cho CBNV TRƯỜNG THCS TÂY SƠN)*

**Kính gửi:** Các bộ phận và các cá nhân thuộc Trung tâm Chẩn đoán Y khoa Kỹ thuật cao Thiện Nhân.

Căn cứ theo Hợp Đồng khám sức khoẻ số **258/2024/HĐ-TNĐN**về việc thực hiện khám sức khoẻ định kỳcho*CBNV của* ***TRƯỜNG THCS TÂY SƠN***. Ban giám đốc Trung tâm thông báo đến toàn thể nhân viên trung tâm về việc khám sức khoẻ định kỳ ngày 18/11/2024

1. **Các danh mục khám sức khỏe cho CBCNV Đơn vị:** (Đính kèm phụ lục)
2. **Danh sách khám:** 114 người. (Đính kèm phụ lục)
3. **Tổ chức thực hiện:**
   * + 1. **Tổ chức lấy máu: Ngoại viện**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Thời gian xuất phát** | **Thời gian lấy máu** | **Địa điểm** | **Nhân sự** |
| 1 | 6h30 ngày 16/11/2024 | 7h đến 8h30 ngày 16/11/2024 | 149 Núi Thành, Hoà Cường Bắc, Hải Châu, Đà Nẵng | 1. Nguyễn Thị Xuân Sương  2. Nguyễn Hoàng Giang  3. Nguyễn Bá Đức Hoàng  4. Phạm Thị Thanh Diễm  5. Văn Thị Quý  6. Nguyễn Thị Hải Anh  7. Nguyễn Thị Thủy Tiên  8. Lái xe (Hành chính sắp xếp) |

* + - 1. **Tổ chức lấy máu và khám: Nội viện**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Thời gian khám** | | **Địa điểm** |
| 1 | Ngày thứ 2 18/11/2024 đến ngày 30/11/2024 | Sáng: 7h - 11h30 | Trung tâm Chẩn đoán Y khoa Kỹ thuật cao Thiện Nhân - Số 276 - 278 - 280 Đống Đa, P. Thanh Bình, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng |
| 2 | Chiều: 13h00 - 16h30 |
| 3 | BV làm việc các ngày trong tuần kể cả thứ bảy và Chủ nhật |

* + - 1. **Chính sách thu tiền ngoài gói: *Phát sinh cá nhân thanh toán tại quầy***
      2. **Giảm 20% SA vú, Sa giáp, Sa động mạch cảnh - đốt sống, papsmear/thinprep, Nhũ ảnh 3D, Giảm 10% các dịch vụ còn lại ( trừ gen, di truyền, nha khoa)**
      3. **Quy trình tư vấn và lựa chọn danh mục làm thêm:**

*Bước 1: Bác sĩ hoặc nhân viên tư vấn dịch vụ làm thêm cho KH*

*Bước 2: Bác sĩ hoặc nhân viên tư vấn lấy thông tin khách hàng và xác nhận dịch vụ đăng ký trên giấy*

*Bước 3: Bác sĩ hoặc nhân viên tư vấn gửi nhận bệnh đăng ký dịch vụ sau khi kết thúc đoàn lấy máu*

*Bước 4: Đối với khách hàng đến lấy máu và khám trực tiếp, trong những trường hợp cần thiết hướng dẫn khách hàng gặp bác sĩ để được tư vấn chọn thêm danh mục khám.*

* + - 1. **Thời gian trả hồ sơ kết quả khám sức khỏe**: : sau 10 ngày kể từ ngày khám cuối cùng
      2. **Nhân sự chuẩn bị cho đoàn khám sức khỏe:**
* Về Bác Sỹ: Bs. Phan Công Long – Chịu trách nhiệm phân công
* Về hành chính: Bà Mai Thị Uyên Hương - Chịu trách nhiệm phân công
* Về Kế toán và thu ngân: Bà Nguyễn Trương Tường Vy - Chịu trách nhiệm phân công
* Về KTV xét nghiệm: Bs. Bảo Thuyết – Chịu trách nhiệm phân công
* Về Điều dưỡng: Bà Trần Thị Tuyền - Chịu trách nhiệm phân công
* Về KD: Bà Đào Thị Minh Diệp – Chịu trách nhiệm phân công
* Về CSKH: Bà Bùi Sỹ Tiến My - Chịu trách nhiệm phân công

Trong quá trình đoàn khám sức khỏe có các vấn đề phát sinh vướng mắc cần giải quyết thì liên hệ trực tiếp Bà Đào Thị Minh Diệp / Bs. Ngô Đức Hải – GĐ Trung tâm (nếu cần)

1. **Tổng kết và tư vấn sức khỏe:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Stt** | **Tên Bác Sĩ** | **Ghi chú** |
| 1 | Bs: Ngô Đức Hải | Theo sự điều phối của CSKH |
| 2 | Bs. Phan Công Long |
| 3 | Bs. Lê Nghiêm Bảo |
| 4 | Bs. Tôn Thất Việt Hùng |
| 5 | Bs. Nguyễn Lê Hoàng Trâm |
| 6 | Bs. Trà Trọng Tấn |
| 7 | Bs. Phạm Thị Vy |

1. **Tổng kết hồ sơ khám sức khỏe:**

|  |  |
| --- | --- |
| 1/ Bs. Phan Công Long | 6/ Bs. Phạm Thị Vy |
| 2/ Bs. Lê Nghiêm Bảo | 7/ Điều dưỡng: Bùi Thị Phương Thúy |
| 3/ Bs. Tôn Thất Việt Hùng | 8/ Điều dưỡng: Lê Thị Kiều Oanh |
| 4/ Bs. Nguyễn Lê Hoàng Trâm | 9/ Điều dưỡng: Nguyễn Thị Tuyết Hạnh |
| 5/ Bs. Trà Trọng Tấn |  |

Các trường hợp phát sinh khác theo tùy từng trương hợp cụ thể mà có sự điều phối cho phù hợp

Đề nghị các cá nhân và bộ phận có liên quan nắm rõ thông tin và thực hiện đúng như thông báo đề ra./.

**Nơi nhận:**

* Như trên
* Lưu phòng Kinh doanh
* Lưu VP công ty.

**TL.TỔNG GIÁM ĐỐC**

ThS.BS Ngô Đức Hải

**PHỤ LỤC 01**

**DANH MỤC KHÁM SỨC KHỎE**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Danh mục khám** | | **Nam** | **Nữ** |
| 1 | **Khám tổng quát** | Khám chuyên khoa Nội, ngoại tổng quát, Chuyên khoa TMH, Chuyên Khoa RMH, Chuyên khoa mắt, chuyên khoa da liễu, Phụ khoa (đối với nữ) cân đo, huyết áp,…. | 21 | 93 |
|
|
|
|
|  |  | Siêu âm màu bụng | 21 | 93 |
| 2 | **Chẩn đoán hình ảnh** | Chụp X-Quang tim phổi kỹ thuật số (Hãng Fuji - Nhật) | 21 | 93 |
| 3 | **Nước tiểu toàn phần** | Nước tiểu 10 thông số. (Xét nghiệm nước tiểu toàn phần) (Hãng Roche - Thụy sỹ - Hóa chất chính hãng - Hóa chất chính hãng - Hóa chất chính hãng) | 21 | 93 |
| 4 | **Công thức máu** | Tổng phân tích tế bào máu bằng máy Laser. (Xét nghiệm công thức máu toàn phần) (Hãng Sysmec - Thụy Sỹ - Hóa chất chính hãng) | 21 | 93 |
| 5 | **Kiểm tra đường huyết** | Định lượng GLUCOSE máu. (Hãng Roche - Thụy sỹ - Hóa chất chính hãng - Hóa chất chính hãng) | 21 | 93 |
| 6 | **Kiểm tra chức năng gan** | AST ( SGOT ) (Hãng Roche - Thụy sỹ - Hóa chất chính hãng - Hóa chất chính hãng) | 21 | 93 |
| 7 | ALT ( SGPT ) (Hãng Roche - Thụy sỹ - Hóa chất chính hãng - Hóa chất chính hãng) | 93 |
| 8 | **Kiểm tra chức năng thận** | Định lượng CREATINIE máu (Hãng Roche - Thụy sỹ - Hóa chất chính hãng - Hóa chất chính hãng) | 21 | 93 |
| 9 |  | Khám vú - Chuyên khoa vú |  | 93 |
| 10 |  | Khám Phụ khoa - Chuyên khoa sản |  | 93 |
| 11 |  | Tổng kết và tư vấn sức khỏe | 114 | |

**PHỤ LỤC 02**

**DANH SÁCH NHÂN VIÊN KHÁM SỨC KHỎE**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Họ Và Tên** | **Năm Sinh** | **Giới tính** |
| 1 | Trần Ngọc Út |  | Nam |
| 2 | Nguyễn Văn Dinh | 1974 | Nam |
| 3 | Hoàng Văn Bắc | 1984 | Nam |
| 4 | Nguyễn Văn Nam | 1978 | Nam |
| 5 | Huỳnh Phan Thiện Bảo | 1981 | Nam |
| 6 | Đỗ Phước Toàn | 1991 | Nam |
| 7 | Hồ Hải Sơn | 1992 | Nam |
| 8 | Phan Quang Mạnh | 1991 | Nam |
| 9 | Võ Ngọc Hùng | 1984 | Nam |
| 10 | Lê Thanh Lam | 1986 | Nam |
| 11 | Huỳnh Văn Thành |  | Nam |
| 12 | Nguyễn Văn Toàn |  | Nam |
| 13 | Trần Minh Hưng |  | Nam |
| 14 | Trần Thế Ân |  | Nam |
| 15 | Nguyễn Khoa Đàm |  | Nam |
| 16 | Nguyễn Công Nhật Trường |  | Nam |
| 17 | Tăng Tấn Đông |  | Nam |
| 18 | Phan Hồng Hoàng |  | Nam |
| 19 | Nguyễn Bá Phúc | 1964 | Nam |
| 20 | Lương Xuân Đồng | 1963 | Nam |
| 21 | Lê Văn Tuân |  | Nam |
| 22 | Nguyễn Thị Hoài Tâm |  | Nữ |
| 23 | Nguyễn Quỳnh Hoa | 1976 | Nữ |
| 24 | Phan Thị Kim Sang | 1982 | Nữ |
| 25 | Nguyễn Thị Hồng | 1980 | Nữ |
| 26 | Ngô Thị Xuân Thủy | 1976 | Nữ |
| 27 | Trần Thị Thuý Kiều | 1983 | Nữ |
| 28 | Nguyễn Thị Thông | 1982 | Nữ |
| 29 | Lê Thị Diễm Uyên | 1970 | Nữ |
| 30 | Lê Thị Yến | 1981 | Nữ |
| 31 | Trần Thị Nhị Quân | 1983 | Nữ |
| 32 | Phan Thị Tú Trinh | 1979 | Nữ |
| 33 | Nguyễn Thu Hồng | 1969 | Nữ |
| 34 | Phan Thị Bích Hà | 1968 | Nữ |
| 35 | Võ Thị Thùy Duyên | 1968 | Nữ |
| 36 | Nguyễn Thị Thanh Bình | 1976 | Nữ |
| 37 | Cao Thị Thủy | 1982 | Nữ |
| 38 | Nguyễn Thị Minh Hoàng | 1982 | Nữ |
| 39 | Hoàng Thị Thu Huyền | 1983 | Nữ |
| 40 | Võ Thị Thu Vân | 1974 | Nữ |
| 41 | Trịnh Thị Ngọc Ánh | 1986 | Nữ |
| 42 | Lê Thị Thuý Cúc | 1980 | Nữ |
| 43 | Nguyễn Thị Mộng Diệp | 1974 | Nữ |
| 44 | Trần Ngọc Thiên Lan | 1983 | Nữ |
| 45 | Doãn Thị Vân | 1983 | Nữ |
| 46 | Lê Thị Sen | 1984 | Nữ |
| 47 | Lê Thị Minh Hằng | 1987 | Nữ |
| 48 | Hồ Thị Dung | 1986 | Nữ |
| 49 | Hoàng Thị Liên | 1985 | Nữ |
| 50 | Nguyễn Thị Minh | 1977 | Nữ |
| 51 | Phạm Thị Xuân Diệu | 1990 | Nữ |
| 52 | Nguyễn Thị Thuỷ | 1984 | Nữ |
| 53 | Trần Thị Thu Hà | 1989 | Nữ |
| 54 | Vũ Thị Minh Duyến | 1983 | Nữ |
| 55 | Mai Thị Thanh Dung | 1992 | Nữ |
| 56 | Hoàng Hải Ly | 1993 | Nữ |
| 57 | Phan Thị Vân | 1977 | Nữ |
| 58 | Lê Thị Ngọc Linh | 1987 | Nữ |
| 59 | Hà Thị Soa | 1988 | Nữ |
| 60 | Đặng Thị Hoài Thu | 1987 | Nữ |
| 61 | Lê Thị Xuân Đào | 1983 | Nữ |
| 62 | Phạm Thị Minh Hậu | 1989 | Nữ |
| 63 | Lữ Thị Hà | 1985 | Nữ |
| 64 | Lê Trần Phương Thanh | 1990 | Nữ |
| 65 | Nguyễn Phan Ngọc Nguyên | 1980 | Nữ |
| 66 | Nguyễn Hồ Thanh Thủy | 1978 | Nữ |
| 67 | Phạm Thị Lành | 1992 | Nữ |
| 68 | Nguyễn Thị Thuỳ Linh | 1979 | Nữ |
| 69 | Hồ Thị Thanh Thuỷ | 1983 | Nữ |
| 70 | Đinh Thị Hiền | 1991 | Nữ |
| 71 | Ngô Lưu Hiền Trang | 1996 | Nữ |
| 72 | Hồ Thị Hồng Diễm | 1993 | Nữ |
| 73 | Nguyễn Thị Bảo Trân | 1996 | Nữ |
| 74 | Nguyễn Thị Điền | 1993 | Nữ |
| 75 | Nguyễn Thị Nguyên | 1984 | Nữ |
| 76 | Nguyễn Thị Tâm | 1980 | Nữ |
| 77 | Bùi Thị Chiến | 1984 | Nữ |
| 78 | Nguyễn Thị Hồng Huệ | 1979 | Nữ |
| 79 | Đặng Phan Hoài Nhơn | 1995 | Nữ |
| 80 | Nguyễn Thị Thuý Vân | 1988 | Nữ |
| 81 | Bùi Thanh Hà Nhi | 1996 | Nữ |
| 82 | Lê Thị Loan | 1992 | Nữ |
| 83 | Trần Thị Thảo Nguyên | 1990 | Nữ |
| 84 | Văn Thị Kim Hoan | 1992 | Nữ |
| 85 | Lương Thị Thùy Duyên | 1992 | Nữ |
| 86 | Huỳnh Thị Nhứt | 1991 | Nữ |
| 87 | Trần Thị Hồng Lan | 1981 | Nữ |
| 88 | Nguyễn Thị Băng Trinh | 1992 | Nữ |
| 89 | Đoàn Thị Khánh Chi | 1989 | Nữ |
| 90 | Trần Thị Tú Trinh |  | Nữ |
| 91 | Phạm Thị Oanh |  | Nữ |
| 92 | Lê Thị Hồng Đào | 1981 | Nữ |
| 93 | Nguyễn Thị Hằng Nga |  | Nữ |
| 94 | Huỳnh Ngọc Khánh Vy |  | Nữ |
| 95 | Kiều Thị Thúy Dung |  | Nữ |
| 96 | Tống Thị Linh |  | Nữ |
| 97 | Nguyễn Trần Quỳnh Chi |  | Nữ |
| 98 | Đặng Thị Mai Hương |  | Nữ |
| 99 | Trần Thị Thùy Dương |  | Nữ |
| 100 | Trương Thị Hường |  | Nữ |
| 101 | Ngô Thịnh |  | Nữ |
| 102 | Hồ Mai Kim Duyên |  | Nữ |
| 103 | Trịnh Thị Minh Anh |  | Nữ |
| 104 | Hồ Thị Hoà | 1982 | Nữ |
| 105 | Trần Thị Vân | 1966 | Nữ |
| 106 | Đỗ Thị Thanh Tỉnh |  | Nữ |
| 107 | Lê Thị Hoa | 1974 | Nữ |
| 108 | Nguyễn Thị Bích Thuyền |  | Nữ |
| 109 | Nguyễn Thị Bảo Châu |  | Nữ |
| 110 | Trần Thị Hoàng Anh |  | Nữ |
| 111 | KSOR Dịu |  | Nữ |
| 112 | Huỳnh Thị Thiên Kim |  | Nữ |
| 113 | Phan Thị Xuân Hồng |  | Nữ |
| 114 | Hồ Thị Kim Ánh |  | Nữ |

**Người lập**